

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1715/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Phương án Điều tra thí điểm Tổng điều tra kinh tế

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định ban hành phương án điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1345/QĐ-BKHĐT ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư do Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Điều tra thí điểm Tổng điều tra kinh tế. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 2. Giao Tổng cục Thống kê xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết; thiết kế mẫu và phiếu điều tra; chỉ đạo tổ chức và hướng dẫn thực hiện cuộc điều tra theo đúng quy định của Phương án điều tra.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ;
- UBND: Thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Giang, tỉnh Vĩnh Long (để phối hợp);
- Cục Thống kê: Thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Giang, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, TCTK_(10b) 113

TUQ. BỘ TRƯỞNG
TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ



Nguyễn Thị Hương



PHƯƠNG ÁN

ĐIỀU TRA THÍ ĐIỂM TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ

(Kèm theo Quyết định số 1715/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 8 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Điều tra thí điểm Tổng điều tra kinh tế được thực hiện nhằm thử nghiệm và hoàn thiện phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2026, cụ thể:

- Xác định và nhận dạng đối tượng điều tra, đơn vị điều tra;
- Xây dựng và hoàn thiện phiếu điều tra;
- Xây dựng quy trình rà soát, lập danh sách đơn vị điều tra, địa bàn điều tra;
- Công tác tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp, phân công nhiệm vụ giữa các cấp, các ngành, các đơn vị có liên quan;
- Tính khả thi của một số nội dung mới;
- Quy trình và phương pháp điều tra;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập dữ liệu;
- Xác định các định mức kinh phí của Tổng điều tra kinh tế năm 2026.

2. Yêu cầu điều tra

- Đảm bảo tính khả thi về nội dung điều tra, đáp ứng yêu cầu tổng hợp chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Luật Thống kê; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12/11/2021; chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã và các chỉ tiêu thống kê khác;

- Đảm bảo tính khả thi, hiệu quả trong hoạt động thu thập, xử lý thông tin theo hướng ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn của tổng điều tra;

- Kế thừa, phát huy đồng thời khắc phục những hạn chế về công tác chuyên môn và tổ chức thực hiện của các kỳ tổng điều tra trước đây.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra thí điểm Tổng điều tra kinh tế thực hiện tại 03 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (viết gọn là tỉnh, thành phố): Hà Nội, Bắc Giang và Vĩnh Long đối với doanh nghiệp; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân (gọi chung là hợp tác xã - HTX); cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (cơ sở SXKD cá thể); cơ sở sự nghiệp ngoài công lập, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng hoạt động trong các ngành kinh tế từ ngành A đến ngành S (trừ ngành O) theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC 2018).

2. Đối tượng điều tra

Trong cuộc điều tra này đối tượng điều tra là các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các doanh nghiệp, HTX, cơ sở SXKD cá thể; cơ sở sự nghiệp ngoài công lập, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng (hay còn được gọi là đơn vị cơ sở) thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- (1) Có địa điểm xác định trên lãnh thổ Việt Nam để trực tiếp thực hiện hoặc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) thuộc các ngành kinh tế;
- (2) Có chủ thể sở hữu và người đứng đầu chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động, có lao động chuyên nghiệp;
- (3) Có thời gian hoạt động liên tục hoặc định kỳ theo mùa vụ hoặc theo tập quán kinh doanh;
- (4) Mỗi đơn vị cơ sở chỉ đóng tại 1 địa bàn xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) và chỉ tiến hành một loại hoạt động kinh tế thuộc ngành kinh tế cấp 3.

Trường hợp, một đơn vị cơ sở đóng trên cùng một địa điểm nhưng thuộc địa bàn quản lý của 2 hoặc 3 xã, quy ước đơn vị cơ sở được tính vào địa bàn xã có diện tích hoạt động sản xuất lớn nhất. Nếu chưa xác định được theo diện tích, tiếp tục xem xét đến địa điểm thực hiện công tác quản lý (hợp, phổ biến nghiệp vụ,...) để sắp xếp đơn vị cơ sở vào địa bàn xã phù hợp.

3. Đơn vị điều tra

- (1) Doanh nghiệp (gồm doanh nghiệp đơn cơ sở và đa cơ sở), HTX hạch toán độc lập;

(2) Cơ sở SXKD cá thể, bao gồm cả các cơ sở kinh doanh trực tuyến (online).

(3) Cơ sở sự nghiệp ngoài công lập, hiệp hội;

(4) Tổ chức phi chính phủ;

(5) Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

III. LOẠI ĐIỀU TRA

Điều tra thí điểm Tổng điều tra kinh tế là cuộc điều tra chọn mẫu. Thực hiện chọn mẫu chủ đích một số đơn vị điều tra thuộc 03 tỉnh, thành phố thuộc phạm vi điều tra. Số lượng mẫu đối với mỗi tỉnh, thành phố được quy định cho từng loại đơn vị điều tra, cụ thể:

- Doanh nghiệp: Mỗi tỉnh, thành phố chọn 50 doanh nghiệp để điều tra. Số lượng doanh nghiệp được chọn dựa trên danh sách các doanh nghiệp của tỉnh, thành phố, bảo đảm có đủ loại hình và ngành SXKD (bao gồm cả doanh nghiệp đơn và doanh nghiệp đa cơ sở).

- Đối với các đơn vị điều tra còn lại: Mỗi tỉnh, thành phố chọn 02 quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố (viết gọn là huyện) để thực hiện điều tra thí điểm, cụ thể như sau:

+ Cơ sở sự nghiệp ngoài công lập, hiệp hội và tổ chức phi chính phủ: Thực hiện lập danh sách các cơ sở tại mỗi huyện từ nguồn dữ liệu của Tổng điều tra kinh tế năm 2021, dữ liệu hành chính và thông tin thực tế tại địa phương. Mỗi huyện chọn từ 03 - 05 cơ sở để thực hiện thu thập thông tin.

+ Cơ sở SXKD cá thể: Tại mỗi huyện chọn 02 xã để lập bảng kê danh sách cơ sở SXKD cá thể (bao gồm cả các cơ sở kinh doanh online); Bảng kê danh sách cơ sở SXKD được lập từ thu thập thông tin trực tiếp tại địa bàn và từ các nguồn dữ liệu hành chính. Tại mỗi xã nêu trên chọn 200 cơ sở từ Bảng kê danh sách cơ sở SXKD cá thể để thu thập thông tin.

- Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: Tại mỗi huyện chọn 02 xã để lập bảng kê danh sách cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; Bảng kê danh sách cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng được lập từ dữ liệu của Tổng điều tra kinh tế năm 2021, dữ liệu hành chính và thông tin thực tế tại địa phương. Thực hiện thu thập thông tin của toàn bộ cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng theo Bảng kê danh sách cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng được lập.

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm điều tra

Các chỉ tiêu thu thập theo thời điểm điều tra được quy định cụ thể trong từng loại phiếu điều tra.

2. Thời gian điều tra

Thực hiện tháng 3/2025.

3. Phương pháp điều tra

Áp dụng điều tra gián tiếp và điều tra trực tiếp, cụ thể:

- Điều tra gián tiếp áp dụng đối với đơn vị điều tra là doanh nghiệp, HTX, cơ sở sự nghiệp ngoài công lập, hiệp hội, tổ chức phi chính phủ và một số cơ sở SXKD cá thể (đăng ký cung cấp thông tin trực tuyến). Đơn vị thực hiện cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của cuộc điều tra hoặc trên phiếu điều tra giấy. Điều tra viên (ĐTV) có trách nhiệm cung cấp tài khoản đăng nhập tới đơn vị điều tra; hướng dẫn đơn vị cung cấp thông tin theo phiếu điều tra và kiểm tra, nghiệm thu phiếu điều tra của các đơn vị điều tra được phân công thực hiện.

- Điều tra trực tiếp áp dụng đối với toàn bộ các cơ sở SXKD cá thể được chọn mẫu (không đăng ký tự cung cấp thông tin trực tuyến) và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Nội dung điều tra bao gồm các nhóm thông tin sau:

- Thông tin nhận dạng đơn vị điều tra, bao gồm: Tên, chi nhánh và địa điểm SXKD; địa chỉ, điện thoại, fax, email; loại hình kinh tế; lĩnh vực hoạt động SXKD; tổ hợp tác;...

- Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động;

- Thông tin về tình hình SXKD, bao gồm: Kết quả hoạt động SXKD; chi phí SXKD; thuế và các khoản phải nộp ngân sách; vốn đầu tư; hàng tồn kho; tiêu dùng năng lượng; thương mại điện tử; kinh tế số; logistic; ứng dụng công nghệ thông tin;...

- Thông tin về địa điểm sản xuất kinh doanh trực thuộc, bao gồm: Tên địa điểm; sản phẩm/dịch vụ; sản lượng SXKD; lao động; doanh thu; chi phí...

2. Phiếu điều tra

Điều tra thí điểm Tổng điều tra kinh tế sử dụng các loại phiếu điều tra điện tử để thu thập thông tin, gồm:

(1) Phiếu số 1/TĐT KT-DN: Phiếu thu thập thông tin chung đối với doanh nghiệp.

(2) Phiếu số 1.1/TĐT KT-DNCN: Kết quả hoạt động công nghiệp - Áp dụng cho các doanh nghiệp/chi nhánh có hoạt động công nghiệp.

(3) Phiếu số 1.2/TĐT KT-DNXD: Kết quả hoạt động xây dựng - Áp dụng cho doanh nghiệp có hoạt động xây dựng.

(4) Phiếu số 1.3/TĐTKT-DNVTKB: Kết quả hoạt động dịch vụ vận tải, kho bãi - Áp dụng cho các doanh nghiệp/chi nhánh có hoạt động dịch vụ vận tải, kho bãi.

(5) Phiếu số 1.4/TĐTKT-DNLT: Kết quả hoạt động dịch vụ lưu trú - Áp dụng cho các doanh nghiệp/chi nhánh có hoạt động dịch vụ lưu trú.

(6) Phiếu số 1.5/TĐTKT-DNLH: Kết quả hoạt động dịch vụ lữ hành - Áp dụng cho các doanh nghiệp/chi nhánh có hoạt động dịch vụ lữ hành.

(7) Phiếu số 1.6/TĐTKT-DNDVGC: Kết quả hoạt động gia công hàng hóa với đối tác nước ngoài - Áp dụng cho doanh nghiệp có hoạt động gia công, lắp ráp hàng hóa trực tiếp cho nước ngoài.

(8) Phiếu số 1.7/TĐTKT-DNFATS: Tình hình thực hiện góp vốn điều lệ - Áp dụng cho doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

(9) Phiếu số 1.8/TĐTKT-DNTCTD: Kết quả hoạt động dịch vụ tài chính - Áp dụng cho doanh nghiệp/chi nhánh thuộc các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

(10) Phiếu số 1.9/TĐTKT-DNBH: Kết quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm - Áp dụng cho các công ty kinh doanh bảo hiểm/chi nhánh thuộc các công ty bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, tái bảo hiểm và chi nhánh công ty bảo hiểm nước ngoài.

(11) Phiếu số 1.10/TĐTKT-DNVĐT: Vốn đầu tư thực hiện - Áp dụng cho doanh nghiệp trong năm có thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định, sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định... phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(12) Phiếu số 1.11/TĐTKT-DNNL: Sản xuất kinh doanh và tiêu dùng năng lượng trong doanh nghiệp - Áp dụng cho các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra về tiêu dùng năng lượng.

(13) Phiếu số 1.12/TĐTKT-DNTN: Kết quả hoạt động thương nghiệp - Áp dụng cho các doanh nghiệp/Chi nhánh có hoạt động bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.

(14) Phiếu số 1.13/TĐTKT-DNDVK: Kết quả hoạt động dịch vụ khác - Áp dụng cho các doanh nghiệp/chi nhánh hoạt động dịch vụ khác.

(15) Phiếu số 2/TĐTKT-DNXNKDV: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ - Áp dụng cho doanh nghiệp được chọn vào mẫu điều tra xuất, nhập khẩu dịch vụ.

(16) Phiếu số 3/TĐTKT-DNIF: Phiếu thu thập thông tin chi phí vận tải, chi phí bảo hiểm của hàng hóa nhập khẩu.

(17) Phiếu số 4/TĐTKT-DNNNT: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản.

(18) Phiếu số 5/TĐTKT-SNHH: Phiếu thu thập thông tin áp dụng đối với cơ sở sự nghiệp ngoài công lập, hiệp hội và tổ chức phi chính phủ.

(19) Phiếu số 6/TĐTKT-BKCT: Thu thập thông tin lập bảng kê cơ sở SXKD cá thể;

(20) Phiếu số 7/TĐTKT-CT: Thu thập thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở SXKD cá thể.

(21) Phiếu số 8/TĐTKT-TGTN: Phiếu thu thập thông tin áp dụng đối với cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

1. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ, cập nhật đến thời điểm điều tra;

2. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2018 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

3. Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

4. Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐÀU RA CỦA ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

a) Xử lý dữ liệu bảng kê danh sách đơn vị điều tra

- Danh sách doanh nghiệp, HTX được tổng hợp từ hai nguồn thông tin:

+ Cơ sở dữ liệu (CSDL) quản lý thuế do ngành Thuế quản lý;

+ CSDL điều tra doanh nghiệp.

- Danh sách cơ sở sự nghiệp ngoài công lập, hiệp hội và tổ chức phi chính phủ được tổng hợp từ ba nguồn thông tin:

+ Dữ liệu của Tổng điều tra kinh tế năm 2021;

+ Dữ liệu hành chính;

+ Rà soát, cập nhật tại địa phương.

- Danh sách cơ sở SXKD cá thể được tổng hợp từ hai nguồn thông tin:
 + Bảng kê cơ sở SXKD cá thể được lập từ các xã được chọn điều tra thí điểm;
 + Danh sách các cơ sở SXKD cá thể từ dữ liệu hành chính do các cơ quan quản lý (ngành Thuế, Công an,...)

- Danh sách cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng được tổng hợp từ ba nguồn thông tin:
 + Dữ liệu của Tổng điều tra kinh tế năm 2021;
 + Dữ liệu hành chính;
 + Rà soát, cập nhật tại địa phương.

b) Xử lý thông tin phiếu điều tra

Phiếu điều tra sau khi hoàn thành khâu thu thập thông tin được đồng bộ về CSDL tập trung tại máy chủ của Tổng cục Thống kê; phiếu điều tra giấy (nếu có), thực hiện nhập tin tại Tổng cục Thống kê. Dữ liệu điều tra sẽ được kiểm tra, làm sạch, nghiệm thu và tích hợp, tổng hợp kết quả.

2. Biểu mẫu ra của điều tra

Kết quả điều tra được tổng hợp theo mẫu biểu phục vụ xây dựng báo cáo kết quả điều tra thí điểm làm căn cứ xây dựng và hoàn thiện Phương án Tổng điều tra kinh tế năm 2026.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

Điều tra thí điểm Tổng điều tra kinh tế được thực hiện theo kế hoạch sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 6 - 7/2024
2	Thiết kế phiếu điều tra	Tháng 6 - 9/2024
3	Chọn mẫu điều tra	Tháng 01 - 3/2025
4	Xây dựng các loại phần mềm	Tháng 9/2024 - Tháng 01/2025
5	In tài liệu điều tra (nếu có)	Tháng 12/2024 - Tháng 01/2025
6	Tổ chức tập huấn	Tháng 01 - 02/2025
7	Thu thập thông tin	Tháng 3/2025
8	Xử lý, tổng hợp và báo cáo kết quả điều tra	Tháng 4 - 5/2025

IX. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA

Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm chọn mẫu các doanh nghiệp, cơ sở SXKD cá thể thực hiện thí điểm; thiết kế các loại phiếu điều tra, xây dựng các loại phần mềm và tài liệu hướng dẫn công tác thu thập thông tin; chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện toàn bộ các nội dung của cuộc điều tra thí điểm; tổ chức/hướng dẫn công tác tuyển chọn, tập huấn lực lượng tham gia điều tra; thực hiện kiểm tra, giám sát điều tra ở các tỉnh, thành phố được chọn điều tra; nghiệm thu, làm sạch dữ liệu; tổng hợp và báo cáo kết quả cuộc điều tra.

Cơ quan thống kê tỉnh, thành phố thực hiện chọn mẫu các huyện và xã thực hiện điều tra thí điểm; thực hiện tuyển chọn và tập huấn cho lực lượng tham gia điều tra; tổ chức thu thập thông tin; giám sát điều tra; nghiệm thu, làm sạch dữ liệu, tổng hợp và báo cáo kết quả điều tra trên địa bàn của tỉnh, thành phố theo quy định của phương án điều tra và hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO ĐIỀU TRA

Kinh phí Điều tra thí điểm Tổng điều tra kinh tế do Ngân sách nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 Bộ Tài chính ban hành về Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Tổng cục Thống kê có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định của văn bản hiện hành.

Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt cuộc điều tra theo đúng nội dung của Phương án điều tra, văn bản hướng dẫn và các chế độ tài chính hiện hành.

Các điều kiện vật chất khác: Sử dụng cơ sở hạ tầng sẵn có của ngành thống kê./.